

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 640/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Tuyền

2. Ông Hoàng Đắc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, thôn T xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, thôn T xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị A trình bày: Chị kết hôn với anh B

năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 3 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn, chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, mặt khác anh B không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống, chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn 6, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng, sau đó vợ chồng chị đã quay về chung sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh B đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, căng thẳng nhất vào tháng 12 năm 2016 Chị A đã bỏ nhà đi từ tháng 5 năm 2017 và vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh B không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng có 01 con chung tên F, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết để cho chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị A đang làm giáo viên mầm non tại Trường mầm non Sao Mai mức thu nhập trung bình một tháng là 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh B trình bày: Anh kết hôn với chị A năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 3 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nên vợ chồng có xảy ra đánh cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống chị A đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn 6, xã S, huyện T nhiều lần, sau đó vợ chồng đã quay về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn xảy ra bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị A đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 12 năm 2016. Đến

tháng 05 năm 2017 chị A đã bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh, anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị A kiên quyết xin ly hôn anh thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh B trình bày vợ chồng có 01 con chung tên F, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008. Trường hợp anh và chị A ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang bán hàng tự do tại nhà và có làm thêm nghề nhôm kính mức thu nhập trung bình một tháng là 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị A, chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh B đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị A và bị đơn là anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 3 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị A và anh B chung sống hoà thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh B nhưng

anh B không đồng ý ly hôn. Tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B do vợ chồng bất đồng quan điểm trong chi tiêu sinh hoạt gia đình, mặt khác anh B không có công việc và thu nhập ổn định dẫn đến vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều lần sau đó vợ chồng lại quay về chung sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị A và anh B đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh B không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị A. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn anh B, cho chị A được ly hôn anh B.

[3]. Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên F, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008. Khi ly hôn, chị A và anh B đều đề nghị Tòa án giải quyết xin được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi cần xem xét mọi mặt để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét chị A và anh B đều có khả năng, điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên từ khi vợ chồng chị A và anh B sống ly thân nhau đến nay chị A vẫn trực tiếp nuôi con, mặt khác cháu F có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị A. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung tên F, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008 cho chị A trực tiếp nuôi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238,

khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử :

1. Chị A được ly hôn anh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên F, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008 cho chị A trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001042 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K, huyện T, TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

